

VX-450 Series

Máy bộ đàm cầm tay VHF/UHF

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA SẢN PHẨM

Bền chắc và đáp ứng các yêu cầu công việc

Đáp ứng tiêu chuẩn công nghiệp, dòng bộ đàm VX-450 tối ưu hóa thời gian làm việc của người sử dụng bằng việc thêm các ứng dụng an toàn và tích hợp các tính năng tiện dụng được thiết kế dành riêng cho các công việc chuyên dụng.

Giám sát an toàn cho người làm việc

Giống như các dòng bộ đàm khác của Vertex Standard, VX-450 tích hợp các tính năng sẵn có như Gọi khẩn cấp và Hỗ trợ người sử dụng đơn lẻ. Gọi khẩn cấp được kích hoạt bằng cách bấm một nút trên bộ đàm để chuyển sang kênh khẩn cấp cài đặt trước và gửi tín hiệu báo động. Chế độ Hỗ trợ người sử dụng đơn lẻ yêu cầu người sử dụng phải bấm PTT trong một khoảng thời gian định sẵn. Nếu quá thời gian định sẵn này, máy bộ đàm sẽ tự động chuyển sang chế độ Gọi Khẩn cấp để gửi tín hiệu báo động.

Để đảm bảo các máy nằm trong cự ly liên lạc, Hệ thống Phát đáp tự động cảnh báo cự ly liên lạc (ARTS™) của Vertex Standard sẽ tự động báo cho những người máy có cài đặt ARTS™ rằng họ vẫn đang nằm trong vùng liên lạc với nhau được.

Tính năng Man Down (tùy chọn với tích hợp DVS-9) giám sát an toàn cho người sử dụng bằng việc tự động gửi tín hiệu cấp cứu nếu máy bộ đàm nằm ở vị trí bất thường so với cài đặt ban đầu. Đây là ứng dụng rất hữu ích đối với những người làm việc trong môi trường nguy hiểm cần được giám sát chặt chẽ.

Thiết kế chắc chắn đáp ứng môi trường khắc nghiệt

VX-450 có thể hoạt động bền bỉ đáp ứng các tiêu chuẩn quân sự khắc nghiệt và đạt chuẩn IP57 về độ chịu nước, máy có thể ngâm dưới độ sâu 1m trong vòng 30 phút.

Âm thanh lớn và rõ ràng

Máy có công suất loa lớn 700 mW lý tưởng cho việc liên lạc trong môi trường làm việc có nhiều tiếng ồn.

VX 450 có tính năng thông báo bằng giọng nói khi chuyển kênh cho phép người sử dụng vừa chuyển kênh vừa có thể làm các công việc khác đồng thời.

Tính năng thoại rảnh tay (VOX) với tai nghe MH-81A4B cho phép người sử dụng liên lạc mà không cần bấm nút PTT.

Thu âm và lưu tin nhắn thoại với dung lượng lên tới 120 giây (sử dụng thiết bị lưu âm thoại tùy chọn DVS-8).

Tích hợp nhiều chế độ tín hiệu

Dòng VX 450 tích hợp bộ mã hóa/giải mã MDC-1200®, 2 Tone và 5 Tone cho phép người sử dụng có thể tùy chọn tín hiệu đáp ứng nhu cầu liên lạc trong nhiều hệ thống có tín hiệu khác nhau.

Quản lý công việc dễ dàng với nhiều kênh/nhóm

Cả hai máy VX-459 và VX-454 đều có dung lượng kênh lớn với 512 kênh, 32 nhóm giúp dễ dàng quản lý các cuộc gọi khác nhau tại những nơi làm việc yêu cầu cao nhất. VX-459 còn tích hợp tính năng Nhập Kênh Trực tiếp giúp chọn kênh mong muốn thông qua phím bấm để điều hướng nhanh.

Tương thích với chuẩn FCC về băng hẹp

Đáp ứng yêu cầu FCC Part 90 khi sử dụng các kênh ở dải tần 12.5 kHz tới ngày 1/1/2013.



Đỉnh



VX-459

VX-454

VX-451

4.29" (Cao) x 2.3" (Rộng) x 1.34" (Dày)



Các tính năng khác:

- 9 phím lập trình được (VX-459)
- 7 phím lập trình được (VX-454)
- 3 phím lập trình được (VX-451)
- Màn hiển thị 8 ký tự (VX-454/459)
- Mã hóa đảo âm thoại
- Kích hoạt bật/tắt mã hóa bằng tay
- Tiết kiệm pin ở chế độ RX/TX
- DTMF ANI
- Quay số nhanh DTMF
- Nhấn tin DTMF
- Mã hóa và giải mã CTCSS/ DCS
- Khóa máy/Hủy máy/Khôi phục máy từ xa (5-Tone)
- Bộ nén giãn âm
- Âm thoại trong và rõ
- Chế độ nói thầm
- Điều chỉnh âm lượng tối thiểu
- Tùy chỉnh độ nhạy thu bằng tay
- Các chức năng khóa kênh bận, khóa Tone bận và định thời gian phát
- Lập trình báo hiệu bằng đèn LED màu
- Quét ưu tiên
- Quét theo dõi kép
- Quét Follow-me
- Quét Talk Around
- Sao chép dữ liệu trực tiếp giữa các máy

Phụ kiện

- MH-360S: Microphone có loa nhỏ gọn
- MH-37A4B: Microphone + tai nghe bên trong
- MH-450S: Microphone có loa
- MH-45B4B: Microphone có loa chống ồn
- MH-81A4B: Tai nghe quàng trên đầu VOX loại nhẹ
- VH-110S: Tai nghe quàng trên đầu
- VH-115S: Tai nghe quàng sau đầu với micro có cần
- VH-215S: Tai nghe quàng trên đầu với ống nghe đơn có đệm tai
- VH-120S: Tai nghe 3 dây có PTT bấm tay
- VH-130S: Tai nghe 2 dây có micro kết hợp PTT bấm tay
- FNB-VI13LI: Pin sạc 2400 mAh Li-lion
- FNB-VI12LI: Pin sạc 1170 mAh Li-lion

Bo mạch tùy chọn

- DVS-8: Thiết bị ghi âm kỹ thuật số
- DVS-9: Bo Mandown với thiết bị ghi âm kỹ thuật số

Sự khác biệt của Vertex Standard

Mục tiêu số một của chúng tôi là mang đến sự hài lòng tuyệt đối cho khách hàng qua việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ vượt trên cả sự mong đợi của bạn. Thêm một lý do khiến bạn hoàn toàn tin tưởng khi lựa chọn Vertex Standard vì các sản phẩm bộ đàm của hãng được chế tạo để vận hành lâu bền với thời hạn bảo hành lâu nhất trong ngành là 3 năm. Vui lòng tham khảo thông tin chi tiết từ Nhà Phân phối.

Các thông số kỹ thuật VX-450

	VHF	UHF
Chỉ tiêu kỹ thuật chung		
Dải tần số	134 - 174MHz	400 - 470 MHz 450 - 512 MHz
Số kênh và số nhóm	512/32 Nhóm (VX-459, VX-454) 32/2 Nhóm (VX-451)	
Điện áp nguồn	7.5 V DC ± 20%	
Độ giãn kênh	12.5 / 20 / 25 kHz	
Bước vòng khóa pha	1.25 / 2.5 / 5 / 6.25 kHz	5 / 6.25 kHz
Thời lượng pin (Chu kỳ 5-5-90)		
Với Pin FNB-VI13LI 2400 mAh Li-lion	18,5 giờ (chế độ tiết kiệm pin)/ 16 giờ	18 giờ (chế độ tiết kiệm pin) / 15,6 giờ
Với Pin FNB-VI12LI 1170 mAh Li-lion	9,5 giờ (chế độ tiết kiệm pin)/ 8,6 giờ	9,2 giờ (chế độ tiết kiệm pin) / 8,3 giờ
Chỉ số IP	IP 57	
Dải nhiệt độ vận hành	-22° F đến +140° F (-30° C đến +60° C)	
Độ ổn định tần số	±2.5 ppm	
Trở kháng RF Vào-Ra	50 Ohms	
Kích thước (Rộng x Cao x Dày)	4.29" x 2.3" x 1.34" (109 x 58.5 x 34 mm) (với pin FNB-VI12LI) 4.29" x 2.3" x 1.69" (109 x 58.5 x 43 mm) (với pin FNB-VI13LI)	
Trọng lượng (ước tính)	10.44 oz (296g) (với pin FNB-VI12LI, anten, kẹp thắt lưng) 11.99 oz (340g) (với pin FNB-VI13LI, anten, kẹp thắt lưng)	
Chỉ tiêu kỹ thuật máy thu: đo lường theo TIA/EIA-603		
Độ nhạy 12dB SINAD	0.25 µV	0.32 µV
Độ chọn lọc kênh	70 dB / 65 dB	
Nhiều và tiếng ồn	45 dB / 40 dB	
Điều biến tương hỗ	70 dB / 65 dB	
Loại trừ tín hiệu giả và tần số ảnh	70 dB	
Công suất âm thanh	700 mW (Internal @ 16 Ohms, 5% THD) 500 mW (External @ 4 Ohms, 5% THD)	
Chỉ tiêu kỹ thuật máy phát: đo lường theo TIA/EIA-603		
Công suất phát	5/2.5 /1/ 0.25 W (có thể chọn theo kênh)	
Kiểu điều chế	16K0F3E, 11K0F3E	
Độ dịch tần tối đa	± 5.0 kHz / ± 2.5 kHz	
Bức xạ tín hiệu giả truyền dẫn	70dB dưới sóng mang	
Nhiều và tiếng rít FM	45 dB / 40 dB	
Độ méo âm tần	< 3 % @1 kHz	

Đáp ứng các tiêu chuẩn quân sự (Đang hoàn thành thử nghiệm)

Tiêu chuẩn	Các phương pháp/ thứ tự MIL 810C	Các phương pháp/ thứ tự MIL 810D	Các phương pháp/ thứ tự MIL 810E	Các phương pháp/ thứ tự MIL 810F	Các phương pháp/ thứ tự MIL 810G
Áp suất thấp	500.1/Thứ tự I	500.2/Thứ tự I, II	500.3/Thứ tự I, II	500.4/Thứ tự I, II	500.5/Thứ tự I, II
Nhiệt độ cao	501.1/Thứ tự I, II	501.2/Thứ tự I, II	501.3/Thứ tự I, II	501.4/Thứ tự I, II	501.5/Thứ tự I, II
Nhiệt độ thấp	502.1/Thứ tự I	502.2/Thứ tự I, II	502.3/Thứ tự I, II	502.4/Thứ tự I, II	502.5/Thứ tự I, II
Độ biến nhiệt độ	503.1/Thứ tự I	503.2/Thứ tự I	503.3/Thứ tự I	503.4/Thứ tự I	-
Bức xạ mặt trời	505.1/Thứ tự I	505.2/Thứ tự II hạng AI	505.3/Thứ tự II hạng AI	505.4/Thứ tự I, II hạng AI	-
Mưa	506.1/Thứ tự I, II	506.2/Thứ tự I, II	506.3/Thứ tự I, II	506.4/Thứ tự I, III	506.5/Thứ tự I, III
Độ ẩm	507.1/Thứ tự I, II	507.2/Thứ tự II, III	507.3/Thứ tự II, III	507.4/Thứ tự III	507.5/Thứ tự III
Sương muối	509.1/Thứ tự I	509.2/Thứ tự I	509.3/Thứ tự I	509.4/Thứ tự I	509.5/Thứ tự I
Bụi	510.1/Thứ tự I	510.2/Thứ tự I	510.3/Thứ tự I	510.4/Thứ tự I, III	510.5/Thứ tự I
Rung xóc	514.2/Thứ tự VIII, X	514.3/ hạng 10	514.4/ hạng 10	514.5/ hạng 20,24	514.6/ hạng 20,24
Va đập	516.2/Thứ tự I, III, V	516.3/Thứ tự I, IV	516.4/Thứ tự I, IV	516.5/Thứ tự I, IV	516.6/Thứ tự I, IV